CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Ngày 31/03/2025	11,750 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.5%	**-**	**17.7%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,800 - 13,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,998
Số lượng CPLH (CP)	170,057,593
KLGD BQ 20 phiên (CP)	643,145
Sở hữu nước ngoài	1.9%
Beta	0.72
EPS	1,389
P/E	8.5

DT thuần
Q1/25
149
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.0| -11.9%
YoY: ▲ 4.00| 2.7%

LN thuần
Q1/25
47.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10| 4.6%
YoY: ▲ 8.80| 22.7%

LN sau thuế
Q1/25
42.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.60| 15.0%
YoY: ▲ 7.40| 20.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
51.9%
YoY: +/-▲ 5.6%

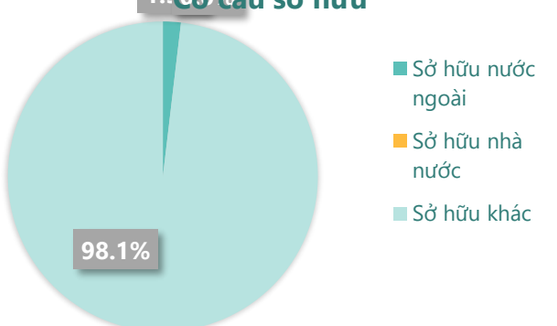
ROE (TTM)
Q1/25
11.2%
YoY: +/-▲ 0.2%

DT thuần
2024
734
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.0| 12.0%

LN thuần
2024
255
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 130| 104%

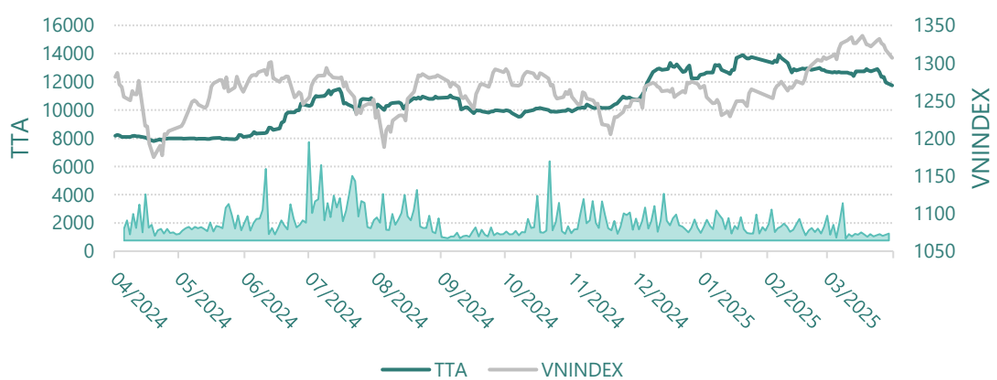
LN sau thuế
2024
232
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 131| 128%

Cơ cấu sở hữu

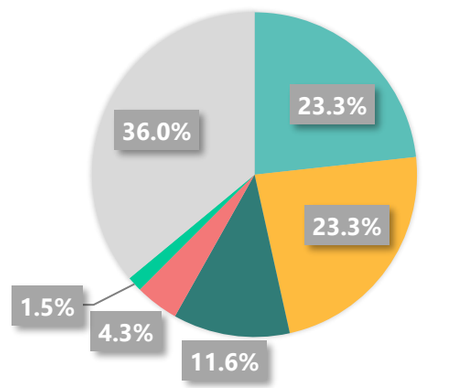


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



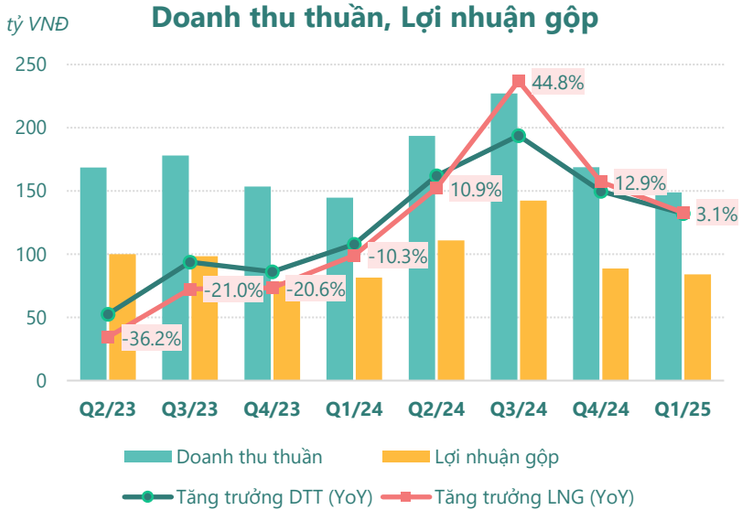
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

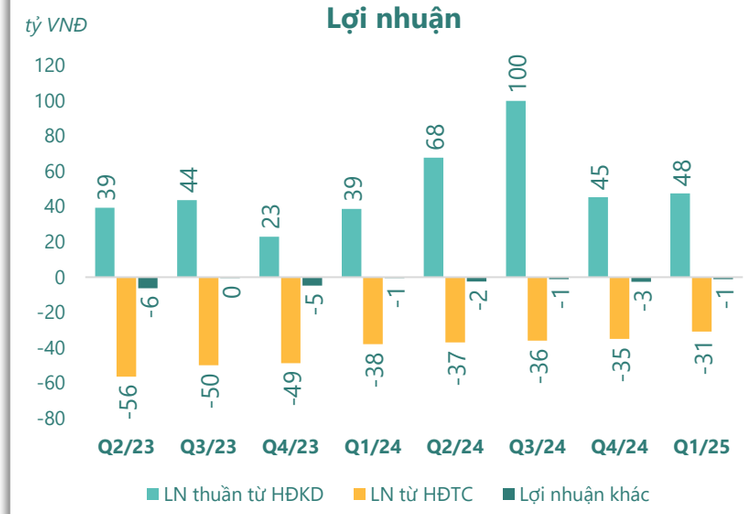
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



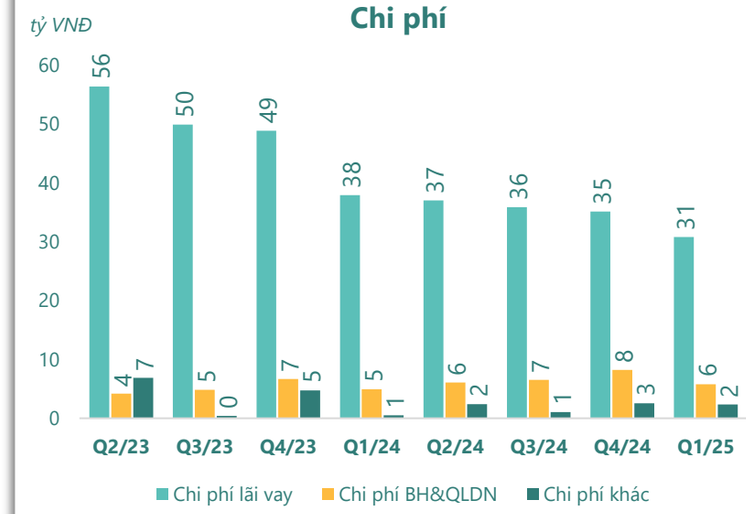
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



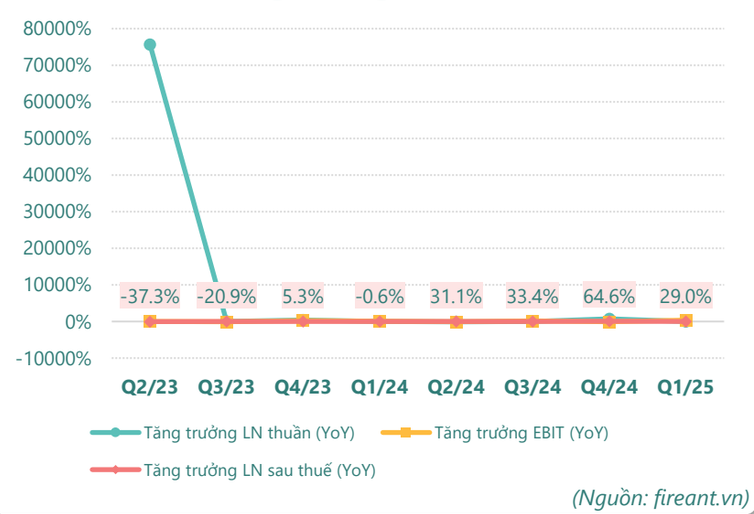
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



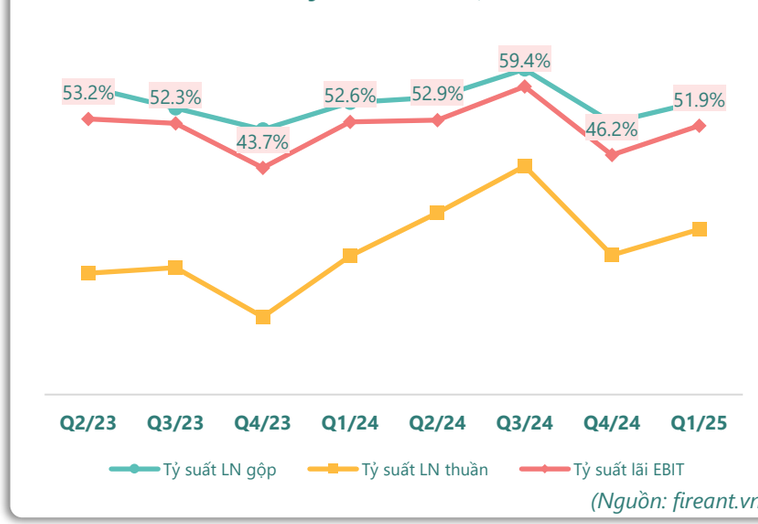
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



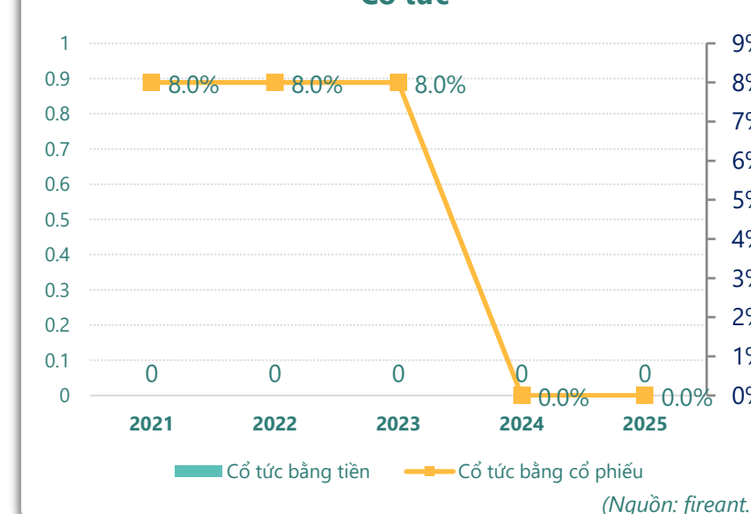
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

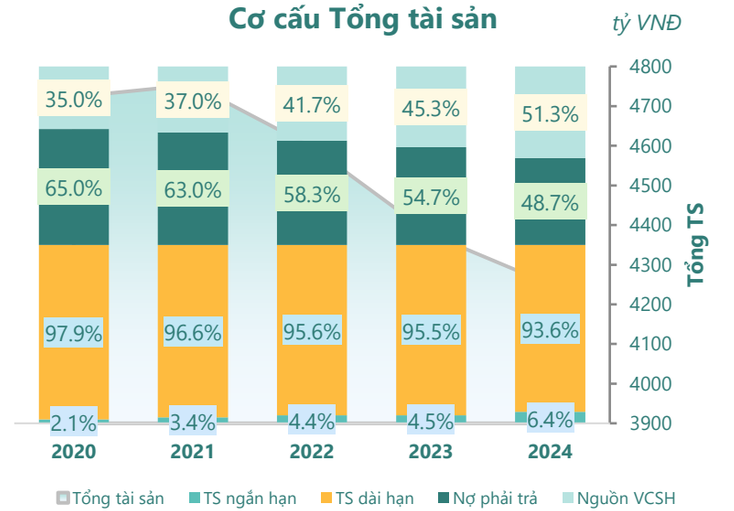
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

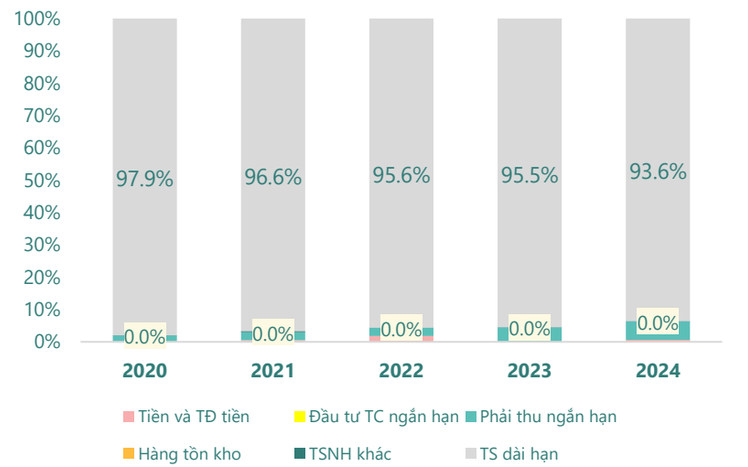
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



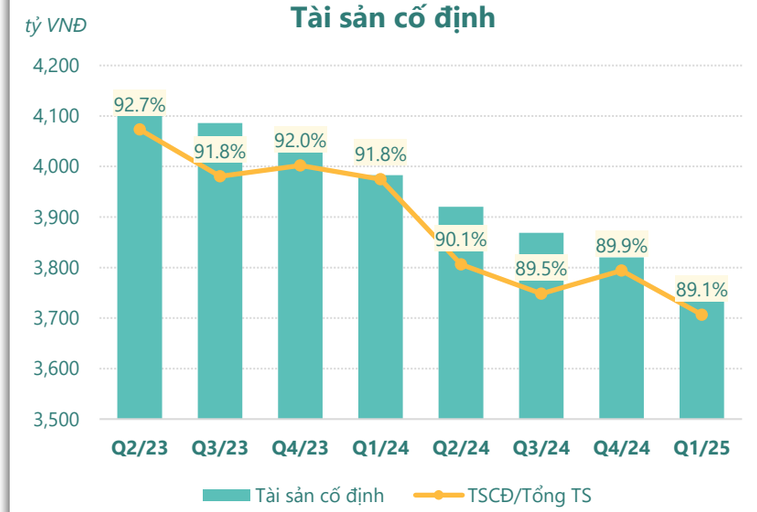
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



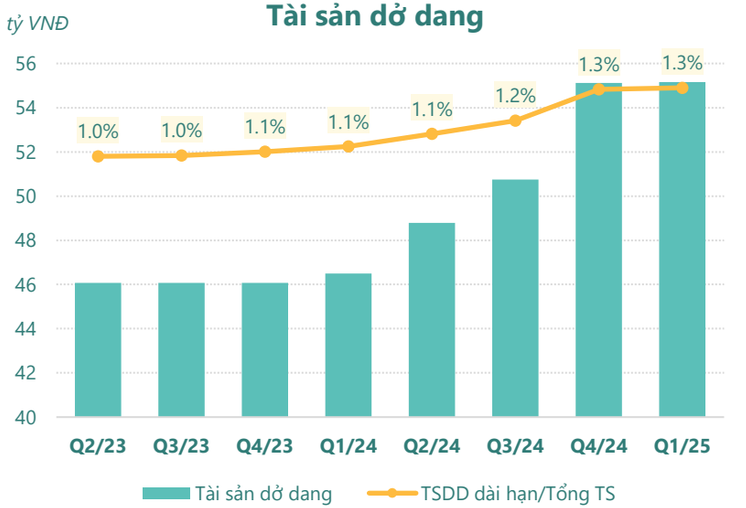
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



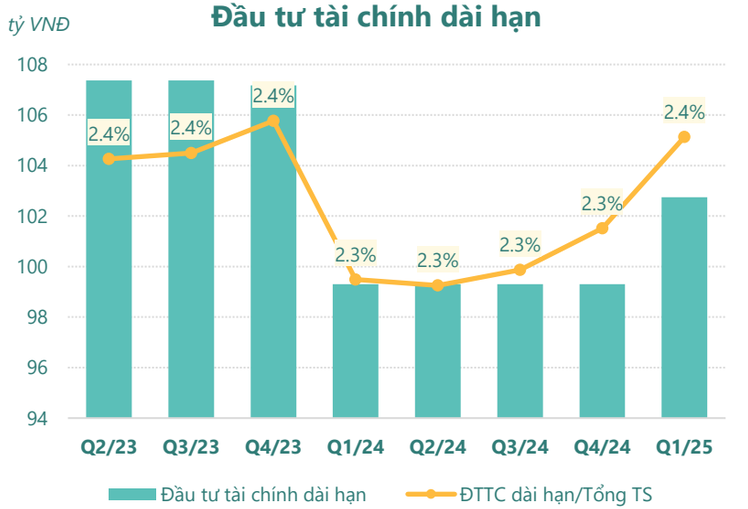
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



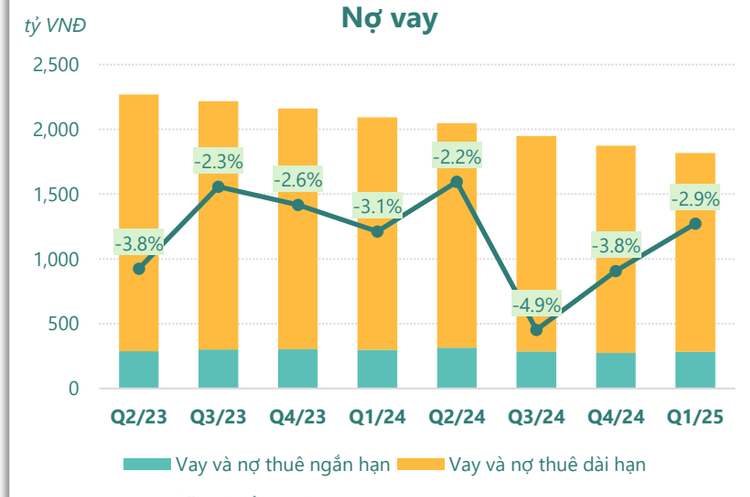
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

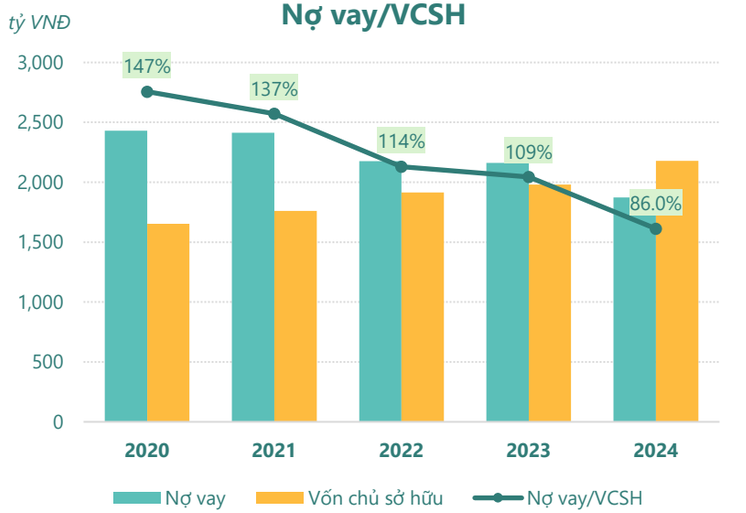
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

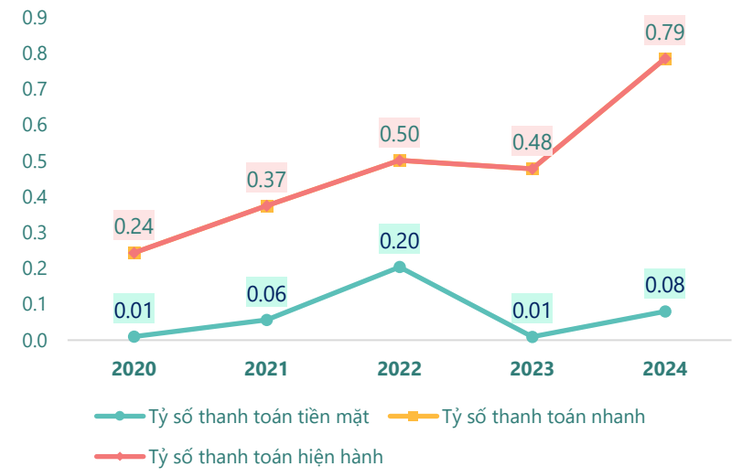
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



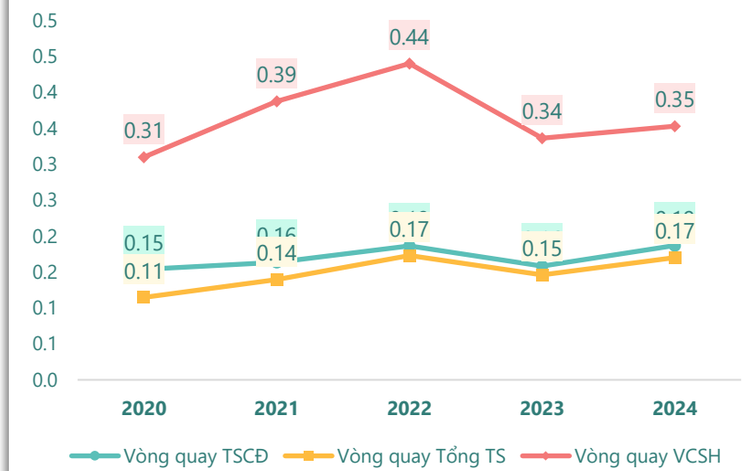
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



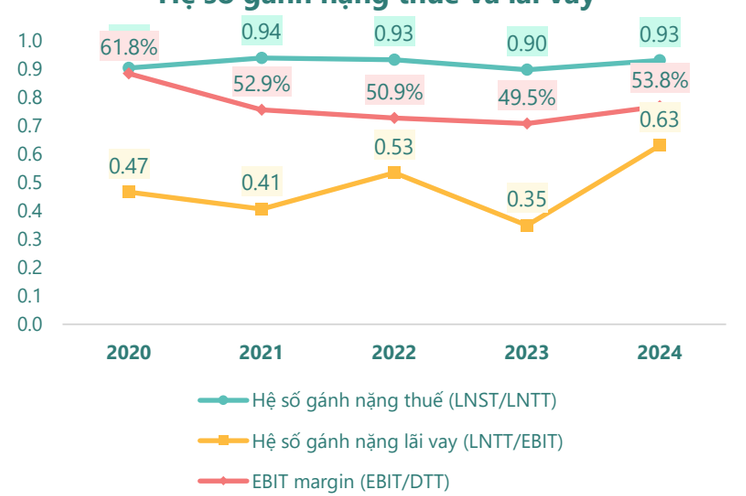
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



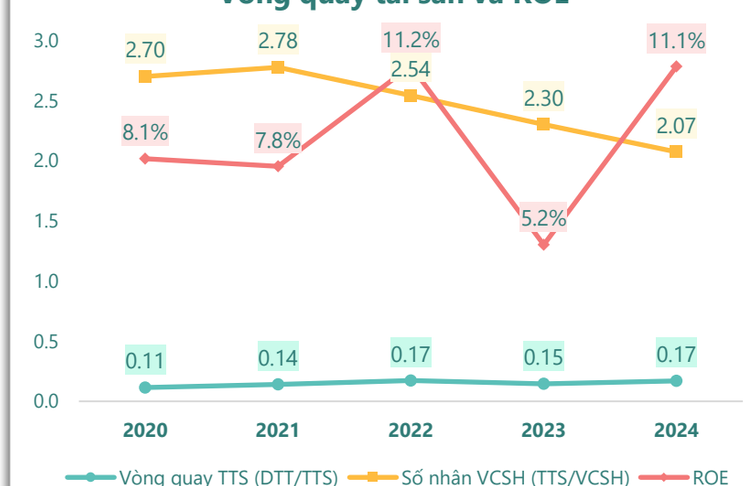
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



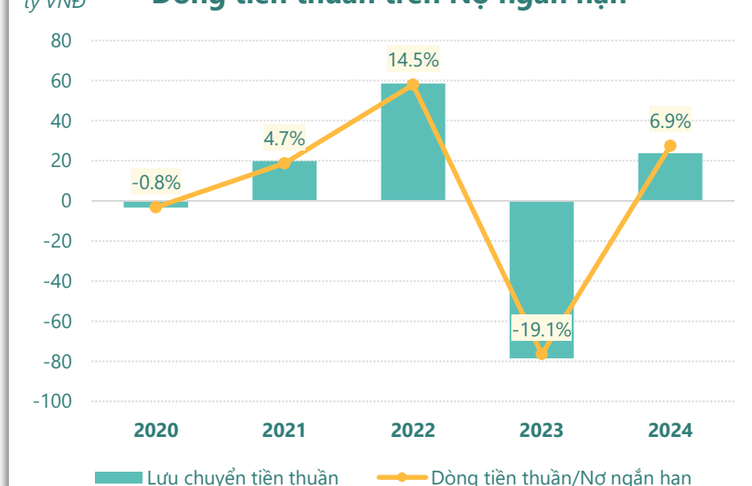
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**149**	**145**	**2.7%**	**734**	**655**	**12.0%**
Giá vốn hàng bán	64.8	63.2	2.5%	311	288	8.0%
Lợi nhuận gộp	84.1	81.6	3.1%	424	368	15.1%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.26	0.17	50.5%
Chi phí TC	30.8	38.0	-18.9%	143	223	-36.1%
Chi phí lãi vay	30.8	38.0	-18.9%	146	211	-30.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.81**	**4.93**	**17.8%**	**25.7**	**20.0**	**28.6%**
LN thuần từ HĐKD	47.5	38.7	22.7%	255	125	104%
Lợi nhuận khác	**-1.10**	**-0.50**	**-119%**	**-6.52**	**-11.8**	**44.7%**
LN trước thuế	46.4	38.2	21.5%	249	113	120%
Lợi nhuận sau thuế	**42.8**	**35.4**	**20.9%**	**232**	**101**	**128%**
LNST của CĐ cty mẹ	**42.8**	**35.4**	**20.9%**	**232**	**101**	**128%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.5	69.9	100.0	74.2	78.1	44.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.31	-0.43	-2.50	-1.73	-6.30	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.7	-66.8	-74.5	-71.6	-74.4	-55.2
Tiền đầu kỳ	33.8	3.91	6.58	29.5	30.4	27.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-29.9**	**2.68**	**22.9**	**0.85**	**-2.64**	**-10.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.91	6.58	29.5	30.4	27.7	17.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,231**	**4,251**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	305	273	11.7%
Tiền và tương đương tiền	17.0	27.7	-38.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	287	245	17.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	0.43	31.8%
Tài sản dài hạn	**3,927**	**3,978**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,769	3,820	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.2	55.1	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.08**	**-17.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,015	2,072	-2.7%
Nợ ngắn hạn	**355**	**347**	**2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	282	274	3.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.37	3.37	-0.1%
Nợ dài hạn	1,661	1,725	-3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,536	1,599	-4.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,216**	**2,179**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**2,216**	**2,179**	**1.7%**
Vốn điều lệ	1,701	1,701	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)